

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
1	1713219820	Cung Đình An	N17KDN1	7.3	9.5	9.4	9.8		9.6	9.2	9.1	Chín phẩy Một	
2	1713219821	Lê Đình An	N17KDN1	6.7	5.1	6	5		5.4	9.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
3	1712219828	Nguyễn Văn Anh	N17KDN1	10	9.3	9.8	9.5		9.5	9.8	9.7	Chín phẩy Bảy	
4	1712219825	Trần Thị Kim Anh	N17KDN1	10	7.2	6.3	9.5		7.7	9.8	9.2	Chín phẩy Hai	
5	1712219829	Trần Thị Bé	N17KDN1	5.3	6.9	7	3.6		5.8	9.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
6	1712219830	Nguyễn Ngọc Bích	N17KDN1	7.7	3.9	6	5.8		5.2	8.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
7	1713219832	Trần Minh Cang	N17KDN1	7.7	5	6.6	4.5		5.4	7.2	6.7	Sáu phẩy Bảy	
8	1712219833	Ngô Thị Lan Chi	N17KDN1	9.7	6.1	9	6.5		7.2	9.8	9.0	Chín	
9	1713219835	Lê Hùng Cường	N17KDN1	6.7	7.2	7.5	7		7.2	9.5	8.5	Tám phẩy Năm	
10	1712219841	Hồ Thị Dung	N17KDN1	8	4.8	6	6.2		5.7	8.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
11	1712219840	Đậu Thị Thùy Dung	N17KDN1	10	5.6	5.8	9		6.8	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
12	1713219842	Nguyễn Việt Dũng	N17KDN1	1.7	3	0	0		1.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
13	1712219844	Mai Thị Dương	N17KDN1	5.3	5.2	5.5	8.5		6.4	9.2	8.0	Tám	
14	1712219847	Cao Thị Minh Giang	N17KDN1	10	6	7	6.6		6.5	9.4	8.6	Tám phẩy Sáu	
15	1712219851	Lê Nguyễn Mỹ Hạnh	N17KDN1	9.7	9.8	10	9.5		9.8	9.0	9.3	Chín phẩy Ba	
16	1713219852	Trần Hữu Hậu	N17KDN1	6.7	8.6	8.5	6.2		7.8	6.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
17	1713219854	Đặng Trung Hiếu	N17KDN1	9.3	8	8.5	7.5		8.0	7.8	8.0	Tám	
18	1712219857	Vương Thị Yến Hồng	N17KDN1	8	5.4	5.8	3.8		5.0	9.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
19	1713219867	Lê Vũ Lương	N17KDN1	6.3	4.2	5	7		5.4	8.0	7.1	Bảy phẩy Một	
20	1713219869	Nguyễn Anh Minh	N17KDN1	9	9	5	5.5		6.5	7.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
21	1713219870	Lưu Ngọc Minh	N17KDN1	8	7.2	8.5	3		6.2	7.7	7.3	Bảy phẩy Ba	
22	1712219873	Võ Thị Quỳnh Ngân	N17KDN1	6	4.8	8.5	5		6.1	7.7	7.1	Bảy phẩy Một	
23	1712219875	Nguyễn Thị Nhi	N17KDN1	7	4.8	7	3.6		5.1	8.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
24	1712219877	Phạm Thị Hồng Nhung	N17KDN1	8.3	8.5	8.5	9		8.7	9.8	9.3	Chín phẩy Ba	
25	1712219878	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	N17KDN1	6.7	4.2	6	5		5.1	7.6	6.8	Sáu phẩy Tám	
26	1713219879	Phạm Thanh Phong	N17KDN1	9.3	5.1	6	4.5		5.2	9.8	8.4	Tám phẩy Bốn	
27	1712219880	Phạm Thị Ánh Phúc	N17KDN1	9.3	10	9.5	8.5		9.3	5.4	7.0	Bảy	
28	1712219885	Lê Thị Thu Sang	N17KDN1	7.7	4.9	6	9		6.6	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
29	1712219888	Nguyễn Thị Bích Thành	N17KDN1	4	2.7	7.5	0		3.4	0.0	0.0	Không	Cấm thi,
30	1713219889	Đinh Chí Thảo	N17KDN1	7.3	7.8	3.6	8		6.5	6.2	6.4	Sáu phẩy Bốn	
31	1712219890	Nguyễn Thị Nam Thảo	N17KDN1	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
32	1713219891	Võ Nguyễn Minh Thiên	N17KDN1	6	5.1	4	6		5.0	0.0	0.0	Không	HP
33	1712219897	Phạm Thị Anh Thương	N17KDN1	5.7	5.7	6	3.6		5.1	4.4	0.0	Không	
34	1712219900	Cao Thị Thanh Thủy	N17KDN1	9.3	9	9	6		8.0	5.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
35	1712219901	Bùi Thị Thủy	N17KDN1	7	5	5.9	7.5		6.1	6.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
36	1712219902	Nguyễn Thị Thu Thủy	N17KDN1	7.3	4.5	6	5		5.2	7.9	7.0	Bảy	
37	1712219903	Hồ Thị Thủy	N17KDN1	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
38	1712219907	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	N17KDN1	8	4.8	6	5.2		5.3	5.3	5.6	Năm phẩy Sáu	
39	1713219911	Nguyễn Ngọc Tú	N17KDN1	8.7	4.8	5.8	6		5.5	8.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
40	1712219914	Hồ Thị Ánh Tuyết	N17KDN1	8.3	3.3	6	5.8		5.0	6.6	6.3	Sáu phẩy Ba	
41	1713219917	Nguyễn Quốc Việt	N17KDN1	5.7	5.5	7.5	3.6		5.5	5.3	5.4	Năm phẩy Bốn	
42	1713219919	Phan Thanh Vũ	N17KDN1	5.7	3.9	6	5		5.0	4.5	0.0	Không	
43	1713219824	Nguyễn Hồng Anh	N17KDN2	7.3	6	9	8		7.7	7.3	7.4	Bảy phẩy Bốn	
44	1713219827	Trần Thế Anh	N17KDN2	7.3	2.8	8.5	5		5.4	6.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
45	1712219831	Phạm Thị Bốn	N17KDN2	9	6.1	9	9.5		8.2	6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
46	1713219837	Nguyễn Anh Đức	N17KDN2	9	9	8.5	8.5		8.7	5.1	6.6	Sáu phẩy Sáu	
47	1713219836	Phan Minh Giác Đức	N17KDN2	9.3	9.2	9.5	10		9.6	9.5	9.5	Chín phẩy Năm	
48	1713219845	Trần Duy	N17KDN2	9	5	6	4.5		5.2	3.6	0.0	Không	
49	1712219846	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	N17KDN2	5.7	5	5	6.5		5.5	5.9	5.8	Năm phẩy Tám	
50	1712219848	Phạm Trần Thu Hà	N17KDN2	7.3	7.7	9.5	10		9.1	6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
51	1712219850	Bùi Diễm Hằng	N17KDN2	9	5.4	9	5		6.5	5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
52	1712219849	Vương Mỹ Hằng	N17KDN2	7	3.1	8.5	5		5.5	5.3	5.5	Năm phẩy Năm	
53	1713219856	Trần Nhật Hoàng	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
54	1712219859	Lê Phan Thùy Hương	N17KDN2	7.3	6.4	9.5	9.5		8.5	3.7	0.0	Không	
55	1712219860	Đinh Thị Thu Hương	N17KDN2	3.7	1.5	0	0		0.5	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
56	1712219863	Võ Thị Mỹ Linh	N17KDN2	8.7	4.9	8	7		6.6	7.1	7.1	Bảy phẩy Một	
57	1712219871	Nguyễn Thị Trúc My	N17KDN2	7.7	3.4	9.5	6		6.3	9.0	8.1	Tám phẩy Một	
58	1712219876	Huỳnh Nguyễn Hoài Như	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
59	1712219881	Phí Thị Minh Phương	N17KDN2	8.7	4.5	7	4.5		5.3	3.2	0.0	Không	
60	1713219884	Lê Viết Hoàn Sang	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
61	1713219887	Nguyễn Văn Sơn	N17KDN2	8	5.6	8.5	4.7		6.3	4.0	0.0	Không	
62	1713114743	Nguyễn Hà Công Thành	N17KDN2	6.3	5.6	7.5	6.5		6.5	0.0	0.0	Không	HP
63	1712219892	Nguyễn Thị Kim Thoa	N17KDN2	6	3.6	10	9		7.5	8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
64	1712219894	Võ Thị Hoài Thu	N17KDN2	8.7	5.8	6.5	7.5		6.6	7.8	7.5	Bảy phẩy Năm	
65	1712219896	Nguyễn Thị Thương	N17KDN2	8.7	8.3	9.5	9.5		9.1	9.5	9.3	Chín phẩy Ba	
66	1712219898	Đậu Thị Thu Thúy	N17KDN2	10	10	10	10		10.0	10.0	10.0	Mười	
67	1712219899	Trần Thị Thùy	N17KDN2	10	5.2	9	10		8.1	7.9	8.2	Tám phẩy Hai	
68	1712219904	Trần Lê Thủy Tiên	N17KDN2	6	4.2	8	3.5		5.2	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
69	1713219906	Phan Thanh Toàn	N17KDN2	8.3	4	7.5	7.5		6.3	5.5	6.0	Sáu	

Ngày thi: 02/11/2013

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
70	1713219905	Nguyễn Tấn Toàn	N17KDN2	8.3	2.5	6	6.5		5.0	4.5	0.0	Không	
71	1712219908	Nguyễn Thị Trang	N17KDN2	8	5	5	5		5.0	4.7	0.0	Không	
72	1713219909	Lê Quang Trí	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
73	1713219912	Nguyễn Lê Anh Tú	N17KDN2	7.7	6	6.5	6		6.2	7.6	7.2	Bảy phẩy Hai	
74	1713219913	Hoàng Minh Tuấn	N17KDN2	1.3	3.1	0	0		1.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
75	1712219916	Nguyễn Thị Thanh Vân	N17KDN2	9.7	5.5	9.5	8		7.7	9.7	9.1	Chín phẩy Một	
76	1713219918	Phạm Thanh Việt	N17KDN2	5	6	4	5		5.0	4.2	0.0	Không	
77	1712219921	Nguyễn Thị Thảo Vy	N17KDN2	7.7	7.5	8	7.5		7.7	6.7	7.1	Bảy phẩy Một	
78	1713219922	Phan Nhật Vỹ	N17KDN2	0	0	0	0		0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	56	72%	
2	Số sinh viên nợ	22	28%	
TỔNG CỘNG :		78	100%	

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 11 năm 2013

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân